|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Ngoại ngữ** |  **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |
| --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc** |  **Mã số: TTVIET.046** |

|  |
| --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. **Thông tin chung**
 |
| **1.1. Tên học phần:** Kỹ năng Viết 3 | **1.2. Tên tiếng Anh:** WRITING 3  |
| **1.3. Mã học phần: TTVIET.046** | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:**  |  |
| **-** Lý thuyết:  | 10 tiết |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm:  | 20 tiết |
| - Tự học:  | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính:  | TS.Trương Vũ Ngọc Linh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | Giảng viên Bộ môn tiếng Trung  |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Hoàn thành học phần tiếng Kỹ năng Viết 2. |
| - Học phần học trước: |  |
| - Học phần song hành: |  |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung:**

Học phần cung cấp kiến thức ngôn ngữ thuộc kỹ năng Viết tiếng Trung Quốc giúp sinh viên rèn luyện ngữ pháp, khả năng liên tưởng và hành văn, đồng thời hoàn thiện kỹ năng viết những bài văn theo chủ đề với nội dung hoàn chỉnh.

**2.2. Mục tiêu cụ thể:**

***2.2.1. Về kiến thức:***

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể đạt được những yêu cầu sau:

- Học phần cung cấp kiến thức ngôn ngữ thuộc kỹ năng Viết tiếng Trung ở mức độ thông thường. Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể đạt được những yêu cầu sau:

- Có vốn từ rộng về các vấn đề liên quan tới lĩnh vực của người sử dụng ngôn ngữ và hầu hết các chủ đề chung. Có khả năng hành văn đa dạng nhằm tránh lặp từ thường xuyên, nhưng do vốn từ vẫn còn thiếu nên khi diễn đạt vẫn còn ngập ngừng, dài dòng.

- Kiểm soát ngữ pháp tốt, đôi khi cũng có những lỗi nhỏ trong cấu trúc câu nhưng hiếm khi xảy ra và khi nhìn lại thì có thể sửa được ngay. Không mắc lỗi gây ra sự hiểu lầm.

- Có thể nhận biết, phân tích nội dung bài văn theo chủ đề có sẵn, xây dựng mạch văn theo sự sáng tạo riêng của mỗi sinh viên.

***2.2.2. Về kỹ năng:***

Kết thúc học phần sinh viên có thể:

- Có thể viết bài chi tiết, rõ ràng về nhiều chủ đề quan tâm khác nhau, đưa ra những thông tin và lập luận từ một số nguồn khác nhau.

- Có thể miêu tả rõ ràng, chi tiết về các sự kiện hay những trải nghiệm thật hoặc giả tưởng, thể hiện được mối liên hệ giữa các ý trong một bài viết có liên kết chặt chẽ theo cách hành văn cho thể loại có liên quan.

- Có thể viết một bài phân tích hoặc một báo cáo phát triển một lập luận nào đó, nêu lý do tán thành hay phản đối một quan điểm nào đó và giải thích những ưu điểm và nhược điểm của các giải pháp khác nhau.

- Có thể viết bài nhận xét về một câu chuyện, một đề tài hoặc một cuốn sách.

-  Có thể truyền đạt tin tức, diễn đạt quan điểm một cách hiệu quả dưới hình thức viết và liên kết tin tức, quan điểm của người khác.

- Có thể viết thư hỏi thăm, trao đổi tình hình với bạn bè và người thân.

***2.2.3. Về thái độ:***

- Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học, nhận thức được rằng kỹ năng viết là cách thức quan trọng trong việc biểu đạt và nâng cao năng lực tiếng Trung Quốc.

- Tham gia tích cực các hoạt động trên lớp; chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trau dồi kỹ năng học nhóm, các qui định về thời hạn, chất lượng các bài tập, bài kiểm tra.

 - Sinh viên hình thành tính nghiêm túc, kỷ luật và chăm chỉ trong việc học cũng như các hoạt động đoàn thể khác.

**3. Chuẩn đầu ra học phần:**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
|  | ***Về kiến thức*** |
| CLO1 | Có vốn từ rộng về các vấn đề liên quan tới lĩnh vực của người sử dụng ngôn ngữ và hầu hết các chủ đề chung. Có khả năng hành văn đa dạng nhằm tránh lặp từ thường xuyên, nhưng do vốn từ vẫn còn thiếu nên khi diễn đạt vẫn còn ngập ngừng, dài dòng. |
| CLO 2 | Kiểm soát ngữ pháp tốt, đôi khi cũng có những lỗi nhỏ trong cấu trúc câu nhưng hiếm khi xảy ra và khi nhìn lại thì có thể sửa được ngay. Không mắc lỗi gây ra sự hiểu lầm. |
|  | ***Về kỹ năng*** |
| CLO 3 | Có thể viết bài chi tiết, rõ ràng về nhiều chủ đề quan tâm khác nhau, đưa ra những thông tin và lập luận từ một số nguồn khác nhau. |
| CLO 4 | Có thể miêu tả rõ ràng, chi tiết về các sự kiện hay những trải nghiệm thật hoặc giả tưởng, thể hiện được mối liên hệ giữa các ý trong một bài viết có liên kết chặt chẽ theo cách hành văn cho thể loại có liên quan. |
| CLO 5 | Có thể viết một bài phân tích hoặc một báo cáo phát triển một lập luận nào đó, nêu lý do tán thành hay phản đối một quan điểm nào đó và giải thích những ưu điểm và nhược điểm của các giải pháp khác nhau. |
| CLO 6 | Có thể viết bài nhận xét về một câu chuyện, một đề tài hoặc một cuốn sách. |
| CLO 7 | Có thể truyền đạt tin tức, diễn đạt quan điểm một cách hiệu quả dưới hình thức viết và liên kết tin tức, quan điểm của người khác. |
| CLO 8 | Có thể viết thư hỏi thăm, trao đổi tình hình với bạn bè và người thân. |
|  | ***Về thái độ về thái độ (mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm)*** |
| CLO 9 | Nhận thức được tầm quan trọng của môn học, nhận thức được rằng kỹ năng viết là cách thức quan trọng trong việc biểu đạt và nâng cao năng lực tiếng Trung Quốc. |
| CLO 10 | Có ý thức tổ chức việc học tập hiệu quả và có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu. Tổ chức việc học hiệu quả và phát triển khả năng học tập nâng cao. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| CLO 1 |  |  | R |  |  |  |  |  | I |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  |  | R |  |  |  |  |  | I |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 4 |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 5 |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 6 |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 7 |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 8 |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 9 |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 10 |  |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  |  |  |
| CLO 11 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ*

*hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần** **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá/Thời gian đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric****(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CC-TĐ) | 5% | Xuyên suốt học phần |  | X | CLO 10CLO 11 | Theo dõi việc sinh viên tham gia lớp học phần và mức độ đóng góp tích cực cho buổi học. (Theo Rubric 1) |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 10% | A2.1. Tuần 5 (Tổng hợp kiến thức) |  |  | CLO 1CLO 2CLO 3 | A2.1. Thi viết, trắc nghiệm dựa trên nội dung và mục tiêu của bài đang học.  **(**Đáp ứng đáp án, thang điểm được thiết kế sẵn.) |
| 15% | A2.2. Từ tuần 8(Các bài trong quá trình học) |  |  | CLO 2CLO3CLO6 | A2.2. Thi viết dựa trên nội dung và mục tiêu của bài đang học **(**Đáp ứng đáp án, thang điểm được thiết kế sẵn.) |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 70% | Bài kiểm tra cuối kỳ: Thi viết |  |  | Từ CLO1 đến CLO 11 | Thang điểm 10, theo đáp án đã được thiết kế. |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/****Buổi** (3 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/BT/TL)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Liên quan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR | Hoạt động học của SV(\*) | Tên bài đánh giá |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **第一课： 介绍历史名人**第一节： 范文阅读第二节： 范文分析第三节：写作实战 | 1+2 | **Sinh viên có khả năng:** + Đọc hiểu và phân tích văn mẫu, sau đó thực hành viết.+ Áp dụng được các kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, khả năng liên tưởng, khả năng hành văn viết bài giới thiệu nhân vật lịch sử. | CLO1CLO2CLO3 CLO4CLO5 | - GV sử dụng tài liệu [1];Hình thức: lên lớp;PP: thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận, viết bài, tự học. | -Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập;Đọc trước nội dung và tra từ mới;Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng-Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra. | *A1* |
| 2 | **第二课： 对比与评价**第一节： 范文阅读第二节： 范文分析第三节：写作实战 | 1+2 | **Sinh viên có khả năng:** + Đọc hiểu và phân tích văn mẫu, sau đó thực hành viết.+ Áp dụng được các kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, khả năng liên tưởng, khả năng hành văn so sánh và đánh giá. | CLO1CLO2CLO3 CLO4CLO5 | - PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn- Sinh viên tự học | -Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập;Đọc trước nội dung và tra từ mới;Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng-Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra | *A1* |
| 3 | **第三课：限时完成作文**第一节： 范文阅读第二节： 范文分析第三节：写作实战 | 1+2 |  **Sinh viên có khả năng:** + Đọc hiểu và phân tích văn mẫu, sau đó thực hành viết.+ Áp dụng được các kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, khả năng liên tưởng, khả năng hành văn về thời hạn làm một bài văn. | CLO1CLO2CLO3 CLO4CLO5 | - PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn- Sinh viên tự học | -Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập;Đọc trước nội dung và tra từ mới;Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng-Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra | A1 |
| 4 | **第四课： 图表分析**第一节： 范文阅读第二节： 范文分析第三节：写作实战 | 1+2 | **Sinh viên có khả năng:** + Đọc hiểu và phân tích văn mẫu, sau đó thực hành viết.+ Áp dụng được các kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, khả năng liên tưởng, khả năng hành phân tích biểu đồ. | CLO1CLO2CLO3 CLO4CLO5 | - PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn- Sinh viên tự học | -Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập;Đọc trước nội dung và tra từ mới;Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng-Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra | A1 |
| 5 | **第五课：分析问题**第一节： 范文阅读第二节： 范文分析第三节：写作实战 | 1+2 | **Sinh viên có khả năng:** + Đọc hiểu và phân tích văn mẫu, sau đó thực hành viết.+ Áp dụng được các kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, khả năng liên tưởng, khả năng hành văn viết bài phân tích về một vấn đề. | CLO1CLO2CLO3 CLO4CLO5  | - PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn- Sinh viên tự học | -Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập;Đọc trước nội dung và tra từ mới;Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng-Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra | A2 |
| 6 | **第六课：分析问题并提出解决方案**第一节： 范文阅读第二节： 范文分析第三节：写作实战 | 1+2 | **Sinh viên có khả năng:** + Đọc hiểu và phân tích văn mẫu, sau đó thực hành viết.+ Áp dụng được các kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, khả năng liên tưởng, khả năng hành văn viết bài phân tích một vấn đề đồng thời đưa ra phương án giải quyết. | CLO1CLO2CLO3 CLO4CLO5 | - PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn- Sinh viên tự học | -Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập;Đọc trước nội dung và tra từ mới;Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng-Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra |  |
| 7 | **第七课：写读后感或观后感**第一节： 范文阅读第二节： 范文分析第三节：写作实战 | 1+2 | **Sinh viên có khả năng:** + Đọc hiểu và phân tích văn mẫu, sau đó thực hành viết.+ Áp dụng được các kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, khả năng liên tưởng, khả năng hành văn viết bài cảm nghĩ sau khi đọc sách hoặc sau khi xem 1 trích đoạn.  | CLO1CLO2CLO3 CLO4CLO5 | - PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn- Sinh viên tự học | -Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập;Đọc trước nội dung và tra từ mới;Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng-Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra |  |
| 8 | **第八课：分析问题的利和弊**第一节： 范文阅读第二节： 范文分析第三节：写作实战 | 1+2 | **Sinh viên có khả năng:** + Đọc hiểu và phân tích văn mẫu, sau đó thực hành viết.+ Áp dụng được các kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, khả năng liên tưởng, khả năng phân tích 2 mặt lợi và hại của một vấn đề. | CLO1CLO2CLO3 CLO4CLO5 | - PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn- Sinh viên tự học | -Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập;Đọc trước nội dung và tra từ mới;Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng-Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra |  |
| 9 | **第九课：写信**第一节： 范文阅读第二节： 范文分析第三节：写作实战 | 1+2 | **Sinh viên có khả năng:** + Đọc hiểu và phân tích văn mẫu, sau đó thực hành viết.+ Áp dụng được các kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, khả năng liên tưởng, khả năng viết thư. | CLO1CLO2CLO3 CLO4CLO5 | - PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn- Sinh viên tự học | -Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập;Đọc trước nội dung và tra từ mới;Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng-Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra |  |
| 10 | **第十课：评价某事物**第一节： 范文阅读第二节： 范文分析第三节：写作实战 | 1+2 | **Sinh viên có khả năng:** + Đọc hiểu và phân tích văn mẫu, sau đó thực hành viết.+ Áp dụng được các kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, khả năng liên tưởng, khả năng đánh giá vấn đề. | CLO1CLO2CLO3 CLO4CLO5 | - PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn- Sinh viên tự học | -Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập;Đọc trước nội dung và tra từ mới;Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng-Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động do giảng viên đưa ra |  |
| 11 | Kiểm tra cuối kì (Theo lịch thi) |  |  |  |  |  | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,****tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/****nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính**  |
| 1 | 蔡永强 | 2016 | 发展汉语中级写作 2 | 北京语言大学出版社 |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** |
| 1 | 万凯艳 | 2013 | 汉语应用文写作教程 | 华语教学出版社 |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương**  |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | Phòng học ngoại ngữ có ghế xếp | Projector, loa, màn hình máy chiếu |  01 | Tất cả các bài học |

**9. Rubric đánh giá**

 **Rubric 1: Đánh giá Chuyên cần - Thái độ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn** |
| MỨC F(0-3.9) | MỨC D(4.0-5.4) | MỨC C(5.5 – 6.9) | MỨC B(7.0 – 8.4) | MỨC A(8.5 - 10) | Trọng số(%) |
| **Chuyên cần** | Không tham gia học (<30%) | Tham gia học không đầy đủ (<50%) | Tham gia học tương đối đầy đủ (<70%) | Tham gia học chuyên cần (<90%) | Tham gia học rất chuyên cần(>= 90%) | 50% |
| **Đóng góp tại lớp** | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp hoặc đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi, tại lớp; phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên trao đổi.+ phát biểu tại lớp luôn có chất lượng, mang lại hiệu quả cao. | Tham gia tích cực, sôi nổi các hoạt động cặp, nhóm … do giảng viên yêu cầu. Đóng góp có chất lượng cho bài giảng. | 50% |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày tháng 6 năm 2023*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **Trưởng khoa** |  **P. Trưởng bộ môn** |  **Người biên soạn** |

 |
|  |

 **TS. Võ Thị Dung** **ThS. Lê Thị Như Thuỷ TS. Trương Vũ Ngọc Linh**